



THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT - ĐẠI HỌC HUẾ

Phạm Thế Kiên¹, Nguyễn Lê Nghĩa², Lê Thị Uyên Phương³

¹Đại học Huế, 3 Lê Lợi, tp. Huế, Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 34 Lê Lợi, tp Huế

³Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

Tác giả liên hệ: **Phạm Thế Kiên** < ptkien@hueuni.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 06-03-2022; Ngày chấp nhận đăng: 04-04-2022)

Tóm tắt. Mục tiêu của nghiên cứu này là tìm hiểu thực trạng hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát 60 viên chức quản lý, giảng viên, chuyên viên và 60 sinh viên ngành Sư phạm giáo dục thể chất đang công tác, học tập tại Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế, được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 22.0. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhìn chung, hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất được đánh giá khá cao. Tuy nhiên, vẫn còn không ít nội dung liên quan đến bảo đảm chất lượng về tuyển sinh và nhập học, về thiết kế và rà soát chương trình đào tạo, về giảng dạy và học tập, về đánh giá người học, về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, về kết quả đào tạo cần được quan tâm cải tiến. Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các chủ thể quản lý, các đối tượng có liên quan nghiên cứu, đề xuất những tác động phù hợp, nâng cao hiệu quả hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay.

Từ khoá: Bảo đảm chất lượng, Đại học Huế, Giáo dục thể chất.

THE SITUATION OF TRAINING QUALITY ASSURANCE ACTIVITIES AT THE SCHOOL OF PHYSICAL EDUCATION - HUE UNIVERSITY

Phạm Thế Kiên¹, Nguyễn Lê Nghĩa², Lê Thị Uyên Phương³

¹Hue University, 3 Le Loi, Hue City, Vietnam

²University of Education, Hue University, 34 Le Loi, Hue City, Vietnam

* Correspondence to **Pham The Kien** <ptkien@hueuni.edu.vn >

(Received: March 06, 2022; Accepted: April 04, 2022)

Abstract. This study aims to investigate the current status of training quality assurance activities of the School of Physical Education - Hue University. The data is collected from the survey of 60 managers, lecturers, professional staff and 60 Physical Education Pedagogy major students who are working and studying at the School of Physical Education - Hue University and processed using the statistical software SPSS 22.0. Research results show that, the training quality assurance activity of the School of Physical Education is good valued. However, there remain various issues related to quality assurance of enrollment and admission, program design and review, teaching and learning, student assessment, student service and support, training outcomes which need attention and improvements. The research results will be useful references for researchers, managers, and stakeholders to study, propose appropriate actions, and improve the effectiveness of training quality assurance activities in the current context of higher education innovation.

Keywords: Quality assurance, Training, Physical Education.

1. Đặt vấn đề

Bảo đảm chất lượng (BĐCL) là một trong những phương thức quản lý chất lượng, xuất phát từ lĩnh vực kinh doanh, ở thập niên 90 của thế kỷ trước. Trong những năm gần đây, BĐCL được áp dụng vào lĩnh vực giáo dục đại học. Hoạt động BĐCL diễn ra trước và trong quá trình đào tạo, tập trung phòng ngừa sự xuất hiện những sản phẩm không đáp ứng các chuẩn mực đã được thiết kế; đảm bảo sinh viên (SV) ra trường đều đạt được những thuộc tính định trước. BĐCL đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học là hoạt động nhằm duy trì, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học; giúp cho các cơ sở giáo dục đại học thực hiện được sứ mạng của mình trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay [3].

Khoa Giáo dục thể chất, Đại học Huế có nhiệm vụ chính là đào tạo SV ngành Sư phạm Giáo dục thể chất và giảng dạy chương trình Giáo dục thể chất không chuyên cho các trường đại học thành viên, các khoa thuộc Đại học Huế và Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị. Trong những năm qua, nhận thức được vai trò của hoạt động BĐCL đào tạo trong việc góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành đào tạo cũng như đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học, hoạt động BĐCL đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế được các cấp quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, vẫn còn không ít nội dung liên quan đến BĐCL về tuyển sinh và nhập học, về thiết kế và rà soát chương trình đào tạo, về giảng dạy và học tập, về đánh giá người học, về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, về kết quả đào tạo cần được quan tâm cải tiến.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động BĐCL đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế. Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý, các đối tượng có liên quan nghiên cứu, đề xuất những tác động phù hợp, nâng cao hiệu quả hoạt động BĐCL đào tạo trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể khảo sát

Khảo sát được thực hiện trên 60 viên chức quản lý (VCQL), giảng viên (GV), chuyên viên (CV) và 60 SV ngành Sư phạm Giáo dục thể chất đang công tác, học tập tại Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế. Mẫu khách thể khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên và rải đều ở các bộ môn, các bộ phận chức năng của Khoa Giáo dục thể chất, đảm bảo tính ngẫu nhiên và mang tính đại diện.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp điều tra viết

- Nội dung khảo sát thực trạng BĐCL đào tạo của cơ sở đào tạo bao gồm (1) BĐCL về tuyển sinh và nhập học, (2) BĐCL về thiết kế và rà soát chương trình đào tạo, (3) BĐCL về giảng dạy và học tập, (4) BĐCL về đánh giá người học, (5) BĐCL về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và (6) BĐCL về kết quả đào tạo [2].

- Thang đánh giá: để đánh giá hoạt động BĐCL đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế, chúng tôi sử dụng thang đo 5 bậc (từ 1 đến 5). Các nhận định, đánh giá thực trạng chủ yếu dựa trên điểm trung bình (ĐTB) của các nội dung khảo sát. Khoảng phân biệt giữa các mức độ là 0,8 [theo công thức $(\text{Max} - \text{Min})/n$], như vậy ĐTB quy ước cho các mức độ là:

- Mức 1: $1,0 \leq \text{ĐTB} < 1,8$ (hoàn toàn không đồng ý/ kém)
- Mức 2: $1,8 \leq \text{ĐTB} < 2,6$ (không đồng ý/ yếu)
- Mức 3: $2,6 \leq \text{ĐTB} < 3,4$ (phân vân/ trung bình)
- Mức 4: $3,4 \leq \text{ĐTB} < 4,2$ (đồng ý/ khá)
- Mức 5: $4,2 \leq \text{ĐTB} \leq 5,0$ (hoàn toàn đồng ý/ tốt)

- Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 4/2021 đến tháng 7/2021.

2.2.2. Phương pháp phỏng vấn

- Nội dung phỏng vấn giúp tác giả hiểu sâu hơn về kết quả khảo sát, phục vụ cho việc phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động BĐCL đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế. Kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi là cơ sở xác định các vấn đề cần tìm hiểu sâu hơn và làm cơ sở thiết kế đề cương phỏng vấn.

- Thời gian tiến hành phỏng vấn sâu: tháng 8/2021.

2.2.3. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng thống kê toán học, phần mềm SPSS 22.0 để nhập và xử lý số liệu, lập bảng, biểu để phân tích ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC) để đưa ra kết luận của các kết quả nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng hoạt động bảo đảm chất lượng về tuyển sinh và nhập học

Những năm gần đây, Khoa Giáo dục thể chất đã tích cực triển khai nhiều giải pháp đổi mới theo hướng tiếp cận nhu cầu thực tế của người học; thường xuyên bám sát thông tin thị trường lao động, không ngừng mở rộng quy mô, khả năng đáp ứng của đơn vị. Thực hiện tốt việc phân công nhân sự phụ trách, đứng điểm tại các trường phổ thông, địa phương, gia đình của đối tượng tuyển sinh để tư vấn, giới thiệu ngành nghề đào tạo; mở rộng phạm vi tuyển sinh đến các tỉnh, thành phố trong khu vực. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn tuyển sinh được đặc biệt chú trọng. Nhiều cách làm mới, tích cực được thực hiện nhằm đẩy mạnh công tác tuyển sinh, thậm chí còn chia sẻ một phần thu nhập tăng thêm của đơn vị để hỗ trợ học phí năm học đầu tiên cho sinh viên. Kết quả khảo sát về nội dung BĐCL tuyển sinh và nhập học được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Đánh giá của viên chức quản lý, chuyên viên và giảng viên về bảo đảm chất lượng về tuyển sinh và nhập học

STT	Bảo đảm chất lượng về tuyển sinh và nhập học	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng được kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của đơn vị	4,25	0,43
2	Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo	3,77	0,53
3	Người học dễ dàng tiếp cận thông tin tuyển sinh của nhà trường một cách dễ dàng và đầy đủ	4,27	0,66
4	Đội ngũ tư vấn và hỗ trợ cho tân SV đủ năng lực giải đáp yêu cầu của người học liên quan đến việc chọn môn học, thay đổi các lựa chọn, tạm nghỉ học hoặc thôi học	2,90	0,88
5	Các thông tin về cơ hội nghề nghiệp được thông báo công khai đến người học	1,77	0,89
Trung bình chung		3,39	0,68

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Kết quả ở bảng 1 cho thấy, một số nội dung của hoạt động BĐCL về tuyển sinh và nhập học được VCQL, CV và GV đánh giá ở mức cao (mức tốt) gồm: “Người học dễ dàng tiếp cận thông tin tuyển sinh của nhà trường một cách dễ dàng và đầy đủ” (ĐTB = 4,27) và “Xây dựng được kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của đơn vị” (ĐTB = 4,25). Bên cạnh đó, nội dung “Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo” (ĐTB = 3,77) cũng được đánh giá ở mức khá. Các nội dung này được Khoa quan tâm và cố gắng nỗ lực làm tốt hằng năm, tuy nhiên, nhìn chung hoạt động BĐCL về tuyển sinh và nhập học chỉ được đánh giá ở mức trung bình (mức 3). Một số nội dung được đánh giá rất thấp, cụ thể là “Các thông tin về cơ hội nghề nghiệp được thông báo công khai đến người học” (ĐTB = 1,77; mức kém) và “Đội ngũ tư vấn và hỗ trợ cho tân SV đủ năng lực giải đáp yêu cầu của người học liên quan đến việc chọn môn học, thay đổi các lựa chọn, tạm nghỉ học hoặc thôi học” (ĐTB = 2,90, mức trung bình).

Chúng tôi cũng đã tiến hành khảo sát trên đối tượng SV về hoạt động BĐCL về tuyển sinh và nhập học với 3 nội dung. Kết quả được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá của sinh viên về bảo đảm chất lượng về tuyển sinh và nhập học

STT	Bảo đảm chất lượng về tuyển sinh và nhập học	ĐTB	ĐLC
1	Cung cấp thông tin tuyển sinh, nhập học đầy đủ, kịp thời	4,45	0,62
2	Thực hiện thủ tục nhập học thuận tiện	4,40	0,74
3	Học phí và khoản đóng góp phù hợp	5,00	0,00
Trung bình chung		4,45	0,59

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, nhìn chung SV đánh giá hoạt động BĐCL về tuyển sinh và nhập học ở mức tốt (ĐTB = 4,45), đây là nội dung được SV đánh giá cao nhất trong số 6 nội dung của hoạt động BĐCL đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất. Đối tượng được khảo sát là SV ngành Sư phạm Giáo dục thể chất, đây là đối tượng được Nhà nước cấp học phí nên SV đánh giá điểm tối đa cho nội dung “Học phí và khoản đóng góp phù hợp” (ĐTB = 5,00). Các nội dung được SV đánh giá cao cũng khá tương đồng với nội dung được VCQL, CV và GV cho rằng đã được thực hiện tốt, việc cung cấp thông tin đến với thí sinh cũng được Khoa GDTC chú trọng và quảng bá bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm thu hút đầu vào có chất lượng.

Kết quả phỏng vấn một số VCQL phụ trách về công tác tuyển sinh cũng cho thấy, trước khi tuyển sinh, thông tin về ngành học và chi tiêu tuyển sinh được phổ biến rộng rãi qua các tờ rơi quảng cáo, trực tiếp và trên Website và trong ngày hội tuyển sinh của Đại học Huế cũng như của Khoa hoặc trực tiếp tại các bộ phận chức năng của Khoa Giáo dục thể chất. Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành Giáo dục thể chất đều được tổng kết và báo cáo Đại học Huế, công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

3.2. Thực trạng hoạt động bảo đảm chất lượng về thiết kế và rà soát chương trình đào tạo

Nâng cao chất lượng đào tạo là mục tiêu mà bất kỳ chương trình đào tạo nào cũng cần phải quan tâm hướng tới. Khoa là nơi đào tạo ngành Sư phạm Giáo dục thể chất, cung cấp đội ngũ giáo viên Giáo dục thể chất cho tỉnh nhà và toàn quốc. Công tác nâng cao chất lượng đã được thực hiện từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và rà soát, phát triển chương trình đào tạo đến việc BĐCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học. Kết quả khảo sát VCQL, CV và GV được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của viên chức quản lý, chuyên viên, giảng viên về bảo đảm chất lượng về thiết kế và rà soát chương trình đào tạo

STT	Bảo đảm chất lượng về thiết kế và rà soát chương trình đào tạo	ĐTB	ĐLC
1	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và học phần phù hợp với yêu cầu của SV tốt nghiệp	3,80	0,48
2	Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra	3,65	0,86
3	Chương trình đào tạo và học phần được cải tiến để bảo đảm sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của thị trường lao động	2,41	0,49
4	Chương trình đào tạo được phổ biến công khai trên các phương tiện thông tin của đơn vị	3,82	0,81
Trung bình chung		3,42	0,66

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, nhìn chung hoạt động BĐCL về thiết kế và rà soát chương trình đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất được đánh giá ở mức khá (mức 4: $3,4 \leq \text{ĐTB} < 4,2$). Những nội dung được đánh giá cao nhất là “Chương trình đào tạo được phổ biến công khai trên các phương tiện thông tin của đơn vị” (ĐTB = 3,82) và “Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và học phần phù hợp với yêu cầu của SV tốt nghiệp” (ĐTB = 3,80). Tuy nhiên, vẫn còn nội dung được đánh giá ở mức yếu là “Chương trình đào tạo và học phần được cải tiến để bảo đảm sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của thị trường lao động” (ĐTB = 2,41).

Để tìm hiểu thêm về hoạt động BĐCL về thiết kế và rà soát chương trình đào tạo, chúng tôi đã tiến hành khảo sát SV đang theo học ngành Sư phạm Giáo dục thể chất ở Khoa. Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy, nhìn chung công tác này chỉ được đánh giá ở mức yếu (ĐTB = 2,57), đây là nội dung được SV đánh giá thấp nhất trong số 6 nội dung của hoạt động BĐCL đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất. Ngoài nội dung “Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được phổ biến, cung cấp đầy đủ cho SV” (ĐTB = 3,75), các nội dung còn lại đều được đánh giá ở mức yếu (bảng 4).

Bảng 4. Đánh giá của sinh viên về bảo đảm chất lượng về thiết kế và rà soát chương trình đào tạo

STT	Bảo đảm chất lượng về thiết kế và rà soát chương trình đào tạo	ĐTB	ĐLC
1	Nội dung chương trình đào tạo có dung lượng hợp lý	2,52	0,50
2	Chương trình đào tạo hữu ích cho hoạt động nghề nghiệp của SV sau khi tốt nghiệp	1,52	0,72
3	Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được phổ biến, cung cấp đầy đủ cho SV	3,75	0,44
4	SV tham gia vào việc đánh giá chương trình đào tạo và các môn học	2,50	0,50
Trung bình chung		2,57	0,54

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Kết quả đánh giá của SV khá tương đồng với đánh giá của VCQL, CV và GV, đặc biệt là nội dung “Chương trình đào tạo hữu ích cho hoạt động nghề nghiệp của SV sau khi tốt nghiệp” (ĐTB = 1,52). Về nguyên tắc, công tác xây dựng chương trình đào tạo phải có sự tham gia của đội ngũ GV, chuyên gia giáo dục và cán bộ quản lý, cựu SV và các trường trung học phổ thông sử dụng lao động nhằm bảo đảm cho yêu cầu “Chương trình đào tạo và học phần được cải tiến để bảo đảm sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của thị trường lao động”. Thực tiễn cho thấy, chương trình đào tạo ngành Sư phạm Giáo dục thể chất đã được điều chỉnh 1 lần là năm 2015 (áp dụng khóa 12), trong các lần cập nhật điều chỉnh chương trình đào tạo sau này, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua phiếu điều tra thị trường lao động, cựu SV và SV. Tuy nhiên, do bước đầu làm quen với công tác BDCL đào tạo nên việc thiết kế và rà soát chương trình đào tạo vẫn dựa trên kinh nghiệm và chưa có kế hoạch bằng văn bản chính thức.

3.3. Thực trạng hoạt động bảo đảm chất lượng về giảng dạy và học tập

Để thực hiện mục tiêu giáo dục con người toàn diện trong đào tạo đại học, với giáo dục thể chất, phương pháp tiếp cận dạy và học là kim chỉ nam cho tất cả hoạt động đào tạo. Khoa Giáo dục thể chất lấy người học làm trung tâm và thông qua giáo dục thể chất để góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục con người toàn diện. Trong những năm qua, Khoa Giáo dục thể chất đã tổ chức dạy - học theo hình thức chính khóa và ngoại khóa (hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa) nhằm tạo điều kiện cho SV đạt được chuẩn đầu ra. Kết quả khảo sát VCQL, CV và GV về BDCL về giảng dạy và học tập được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Đánh giá của viên chức quản lý, chuyên viên, giảng viên về bảo đảm chất lượng về giảng dạy và học tập

STT	Bảo đảm chất lượng về giảng dạy và học tập	ĐTB	ĐLC
1	Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra	3,78	0,52
2	Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm	3,52	0,50
3	Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra	1,27	0,58
4	Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để bảo đảm và cải tiến chất lượng	2,50	0,50
5	Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, bảo đảm dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời	2,68	0,47
Trung bình chung		2,75	0,52

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Kết quả khảo sát ở bảng 5 cho thấy, VCQL, CV và GV đánh giá hoạt BĐCL về giảng dạy và học tập ở Khoa Giáo dục thể chất nhìn chung chỉ ở mức trung bình (ĐTB = 2,75). Nội dung được đánh giá cao nhất là “Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra” (ĐTB = 3,78; mức khá), “Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm” (ĐTB = 3,52). Tuy nhiên, một số nội dung được đánh giá rất thấp, gồm: “Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra” (ĐTB = 1,27; mức kém), “Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để bảo đảm và cải tiến chất lượng” (ĐTB = 2,50; mức yếu). Ngoài ra, nội dung “Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, bảo đảm dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời” cũng chỉ được đánh giá ở mức trung bình (ĐTB = 2,68). Nhìn chung, công tác BĐCL về giảng dạy và học tập cần được Khoa quan tâm nhiều hơn để bắt kịp xu thế hiện nay.

Để tìm hiểu thêm về hoạt động BĐCL về giảng dạy và học tập ở Khoa Giáo dục thể chất, chúng tôi đã tiến hành khảo sát SV ngành Sư phạm Giáo dục thể chất của Khoa, kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 6.

Bảng 6. Đánh giá của sinh viên về bảo đảm chất lượng về giảng dạy và học tập

STT	Bảo đảm chất lượng về giảng dạy và học tập	ĐTB	ĐLC
1	Việc đào tạo theo học chế tín chỉ chất lượng và hiệu quả	4,23	0,81
2	Đội ngũ GV tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, năng lực giảng dạy tốt, đạt được nhiều thành tích và có kinh nghiệm giảng dạy	4,32	0,62
3	GV chú trọng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành,... cho SV	4,45	0,57
Trung bình chung		4,33	0,67

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung SV đánh giá hoạt động BĐCL về giảng dạy và học tập ở Khoa Giáo dục thể chất ở mức tốt ($\text{ĐTB} = 4,33; 4,2 \leq \text{ĐTB} \leq 5$). Nội dung được đánh giá cao nhất là “GV chú trọng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành,... cho SV” ($\text{ĐTB} = 4,45$). Các nội dung được SV đánh giá cao cũng khá tương đồng với các nội dung được VCQL, CV và GV đánh giá cao ở bảng 5. Mặc dù đào tạo theo học chế tín chỉ là khá mới mẻ đối với Khoa Giáo dục thể chất, nhưng việc thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra; triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm đã giúp cho việc đào tạo theo học chế tín chỉ chất lượng và hiệu quả, đặc biệt là kỹ năng thực hành cho SV ngành Sư phạm Giáo dục thể chất.

3.4. Thực trạng hoạt động bảo đảm chất lượng về đánh giá người học

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng của giáo dục đại học. Kết quả đánh giá có ảnh hưởng rất lớn đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học, đồng thời cung cấp cho Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ cho người học. Việc đánh giá kết quả học tập người học ngành Sư phạm Giáo dục thể chất được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của ngành, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động BĐCL về đánh giá người học ở Khoa Giáo dục thể chất được thể hiện ở bảng 7 và bảng 8.

Bảng 7. Đánh giá của viên chức quản lý, chuyên viên, giảng viên về bảo đảm chất lượng về đánh giá người học

STT	Bảo đảm chất lượng về đánh giá người học	ĐTB	ĐLC
1	Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập	2,58	0,53
2	Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra	2,52	0,62
3	Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để bảo đảm độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra	2,05	0,93
4	Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để bảo đảm độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra	2,63	0,49
Trung bình chung		2,45	0,64

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Kết quả khảo sát ở bảng 7 cho thấy, nhìn chung VCQL, CV và GV đánh giá nội dung này ở mức yếu (ĐTB = 2,45). Đây là nội dung được VCQL, CV và GV đánh giá thấp nhất trong số 6 nội dung của hoạt động BĐCL đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất. Trong số 4 nội dung khảo sát, chỉ có 1 nội dung được đánh giá ở mức trung bình là “Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để bảo đảm độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra” (ĐTB = 2,63), các nội dung còn lại đều được đánh giá ở mức yếu. Kết quả này cho thấy, hoạt động BĐCL về đánh giá người học ở Khoa Giáo dục thể chất chưa thực sự được quan tâm thực hiện.

Để tìm hiểu rõ hơn về nội dung này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát SV 5 nội dung, kết quả khảo sát ở bảng 8 cho thấy, các nhận định tích cực mà chúng tôi đưa ra được SV đánh giá nhìn chung ở mức trung bình (ĐTB = 3,25).

Bảng 8. Đánh giá của sinh viên về bảo đảm chất lượng về đánh giá người học

STT	Bảo đảm chất lượng về đánh giá người học	ĐTB	ĐLC
1	Đề kiểm tra, đề thi sát với chương trình học	3,80	0,48
2	Các quy định về đánh giá kết quả học tập (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai	1,97	1,06
3	Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	4,20	0,40
4	Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để SV cải thiện việc học tập	2,47	0,50
5	SV tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	3,80	0,40
Trung bình chung		3,25	0,57

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Nội dung được SV đánh giá cao nhất là “Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng” (ĐTB = 4,20; mức tốt). Các nội dung “Đề kiểm tra, đề thi sát với chương trình học” và “SV tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập” cũng được SV đánh giá ở mức khá (ĐTB = 3,80). Tuy nhiên, nguyên nhân chính làm cho hoạt động BĐCL về đánh giá người học ở Khoa Giáo dục thể chất chưa được đánh giá cao đó là do “Kết quả đánh giá chưa được phản hồi kịp thời để SV cải thiện việc học tập”, đặc biệt là “Các quy định về đánh giá kết quả học tập (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) chưa thực sự rõ ràng và chưa được thông báo công khai”. Điều này đòi hỏi Khoa cần có biện pháp cải tiến để giúp người học đạt được kết quả tốt nhất và phát triển các năng lực đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3.5. Thực trạng hoạt động bảo đảm chất lượng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Với mục tiêu giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực và trí thức trẻ cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong quá trình hội nhập, Khoa Giáo dục thể chất luôn xác định nhiệm vụ chính trị hàng đầu của SV là học tập và tập sự nghiên cứu khoa học. Mọi hoạt động của Khoa đều hướng tới việc tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất để giúp đỡ, hỗ trợ người học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định uy tín của Khoa. Khoa đã tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất để người học có thể học tập và rèn luyện sức khỏe tốt, cũng như rèn luyện các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm thông qua việc tổ chức các chương trình, hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ SV, tổ chức các giải thi đấu thể thao, đầu tư xây dựng các công trình thể thao, đặc biệt là tổ chức các buổi giao lưu với các cơ quan, trường học, hội chợ việc làm cho SV.

Kết quả khảo sát VCQL, CV và GV ở bảng 9 cũng cho thấy, BĐCL về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được đánh giá ở mức cao (ĐTB = 4,40). Đây là nội dung được VCQL, CV và GV đánh giá cao nhất trong số 6 nội dung của hoạt động BĐCL đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất.

Bảng 9. Đánh giá của viên chức quản lý, chuyên viên, giảng viên về bảo đảm chất lượng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

STT	Bảo đảm chất lượng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	ĐTB	ĐLC
1	Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học	4,45	0,57
2	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan	4,48	0,60
3	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát	4,33	0,68
4	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	4,35	0,63
Trung bình chung		4,40	0,62

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Nội dung được VCQL, CV và GV đánh giá cao nhất trong BĐCL về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học là “Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan” (ĐTB = 4,48). Nhìn chung tất cả nội dung đều được VCQL, CV, GV đánh giá cao và tương đối đồng đều.

Trong suốt năm học và toàn khóa học, SV được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi cố vấn học tập về đăng ký học tập, nghiên cứu khoa học, tư vấn cho SV tham gia các hoạt động học thuật, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp SV chủ động trong quá trình học tập. Kết quả khảo sát ở bảng 10 cho thấy, nhìn chung SV đánh giá Khoa Giáo dục thể chất thực hiện BĐCL về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học ở mức khá (ĐTB = 3,63).

Bảng 10. Đánh giá của sinh viên về bảo đảm chất lượng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

STT	Bảo đảm chất lượng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	ĐTB	ĐLC
1	Phòng học, giảng đường đáp ứng diện tích, độ kiên cố, quạt điện, ánh sáng, âm thanh, vệ sinh,...	4,20	0,78
2	Hệ thống công nghệ thông tin (máy tính, mạng internet...) hỗ trợ tốt công tác đào tạo	2,48	0,60
3	Thư viện đủ sách, tài liệu tham khảo, thiết bị, thời gian phục vụ	2,50	0,59
4	Khu ký túc xá SV đáp ứng yêu cầu về diện tích, tiện ích, an toàn, vệ sinh,...	4,55	0,57
5	Khoa chú trọng tiếp nhận ý kiến phản hồi của SV về chất lượng đào tạo	4,40	0,62
Trung bình chung		3,63	0,63

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Các nội dung “Khu ký túc xá SV đáp ứng yêu cầu về diện tích, tiện ích, an toàn, vệ sinh,...” (ĐTB = 4,55), “Khoa chú trọng tiếp nhận ý kiến phản hồi của SV về chất lượng đào tạo” (ĐTB = 4,40) và “Phòng học, giảng đường đáp ứng diện tích, độ kiên cố, quạt điện, ánh sáng, âm thanh, vệ sinh,...” (ĐTB = 4,20) được SV đánh giá cao. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy Khoa cần cải thiện “Thư viện” theo hướng bảo đảm đủ sách, tài liệu tham khảo, thiết bị, thời gian phục vụ và cải thiện “Hệ thống công nghệ thông tin (máy tính, mạng internet...)” theo hướng bảo đảm tốt hơn trong việc hỗ trợ công tác đào tạo.

3.6. Thực trạng hoạt động bảo đảm chất lượng về kết quả đào tạo

Đánh giá chất lượng đầu ra đóng vai trò quan trọng trong hệ thống BĐCL của các cơ sở giáo dục. Hằng năm, Khoa Giáo dục thể chất đã thực hiện giám sát việc đạt chuẩn đầu ra, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ SV thôi học, lượng SV tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối với cựu SV.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học cho SV được thực hiện, phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Khoa được khuyến khích thực hiện. Khoa đã thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan để làm cơ sở cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng hệ thống bảo đảm chất lượng. Kết quả khảo sát SV về BĐCL về kết quả đào tạo thể hiện ở bảng 11.

Bảng 11. Đánh giá của sinh viên về bảo đảm chất lượng về kết quả đào tạo

STT	Bảo đảm chất lượng về kết quả đào tạo	ĐTB	ĐLC
1	Anh/ Chị nắm vững kiến thức, thành thạo các kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp và tu dưỡng đạo đức theo nhu cầu bản thân	4,43	0,59
2	Anh/ Chị tiến bộ nhiều về kỹ năng tự học, tự nghiên cứu,...	4,37	0,49
3	Anh/ Chị có khả năng giải quyết vấn đề học tập và thực tiễn	4,30	0,59
4	Anh/ Chị có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thích ứng với sự biến đổi của thị trường lao động	2,25	0,65
5	Anh/ Chị thực hiện tốt nghĩa vụ: trong gia đình; công dân về kinh tế, văn hóa, xã hội; tôn trọng quyền con người	4,30	0,56
Trung bình chung		3,93	0,58

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Nhìn chung, kết quả đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất được SV đánh giá ở mức khá (ĐTB = 3,93). Các nội dung về “kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp và tu dưỡng đạo đức theo nhu cầu bản thân”, “kỹ năng tự học, tự nghiên cứu,...”, “khả năng giải quyết vấn đề học tập và thực tiễn” và “thực hiện tốt nghĩa vụ: trong gia đình; công dân về kinh tế, văn hóa, xã hội; tôn trọng quyền con người” được SV đánh giá cao. Các nội dung này được đánh giá cao có thể được hiểu là do trong môi trường sư phạm, ngành học của các bạn SV là Sư phạm Giáo dục thể chất, nên Khoa chú trọng việc rèn luyện đạo đức và nhân cách cho SV, mỗi SV cũng phải tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Tuy nhiên, nội dung “kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thích ứng với sự biến đổi của thị trường lao động” chỉ được đánh giá ở mức yếu (ĐTB = 2,25). Thực tiễn cũng cho thấy, Khoa chưa liên kết với các nhà tuyển dụng, các trường đại học để tạo điều kiện cho SV tiếp cận sớm với thị trường lao động trong 2 năm cuối.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động BĐCL đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất được đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều nội dung liên quan đến BĐCL về tuyển sinh và nhập học, về thiết kế và rà soát chương trình đào tạo, về giảng dạy và học tập, về đánh giá người học, về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, về kết quả đào tạo cần được quan tâm cải tiến. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng hoạt động BĐCL đào tạo, Khoa Giáo dục thể chất, Đại học Huế cần phải có những tác động phù hợp, hướng đến nâng cao hiệu quả hoạt động BĐCL đào tạo trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay. Theo đó, cần tập trung

thực hiện các biện pháp sau: (1) Xây dựng các chuẩn chất lượng làm cơ sở để Khoa không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, (2) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ VCQL, CV làm công tác BDCL đào tạo của Khoa, (3) Nghiên cứu xây dựng quy định về đánh giá kết quả học tập, thông báo công khai và kịp thời phản ánh kết quả đánh giá cho SV, (4) Tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng, các trường đại học để tạo điều kiện cho SV tiếp cận sớm với thị trường lao động, (5) Đảm bảo các điều kiện cho hoạt BDCL đào tạo của Khoa Giáo dục thể chất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, ban hành kèm theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013.
2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học*, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017.
3. Phạm Lê Cường (2016), *Giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo của các trường/khoa đại học sư phạm*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Vinh.
4. Nguyễn Khắc Tuệ (2017), “Tiếp cận đảm bảo chất lượng trong việc xác định quan niệm và nội dung quản lý hoạt động đào tạo ở các trường cao đẳng cộng đồng khu vực đồng bằng Bắc Bộ”, *Tạp chí giáo dục*, số 405, tr.20-25.
5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật Giáo dục đại học*.